

HỆ THỐNG BIỂU MẪU
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ DÙNG ĐỂ THU THẬP
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH

Tòa án nhân dân tỉnh

STT	Tên biểu	Ký hiệu biểu	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
A	B	C	D	E
1	Tỷ lệ nữ đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo chính quyền	004a.N/BCS-XHMT	Năm	Ngày 12 tháng 02 năm báo cáo
2	Số vụ, số người phạm tội đã bị kết án	005g.N/BCS-XHMT	Năm	Ngày 28/3 năm sau năm báo cáo

A. BIỂU MẪU**Biểu số: 004a.N/BCS-XHMT**

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 12 tháng 02 năm báo cáo

**TỶ LỆ NỮ ĐẢM NHIỆM CÁC CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO
CHÍNH QUYỀN**

Có đến ngày 31/12/

Đơn vị gửi:

Tòa án nhân dân cấp tỉnh

Đơn vị nhận:

Cục Thống kê

	Mã số	Cấp tỉnh			Cấp huyện		
		Tổng số (Người)	Trong đó: Nữ (Người)	Tỷ lệ (%)	Tổng số (Người)	Trong đó: Nữ (Người)	Tỷ lệ (%)
A	B	1	2	3	4	5	6
Toàn tỉnh, TP	01						
Chia theo trình độ học vấn							
- Tiểu học	02						
- Trung học cơ sở	03						
- Trung học phổ thông	04						
- Sơ cấp	05						
- Trung cấp	06						
- Cao đẳng	07						
- Đại học	08						
- Thạc sĩ	09						
- Tiến sĩ	10						
Chia theo dân tộc							
- Kinh	11						

	Mã số	Cấp tỉnh			Cấp huyện		
		Tổng số (Người)	Trong đó: Nữ (Người)	Tỷ lệ (%)	Tổng số (Người)	Trong đó: Nữ (Người)	Tỷ lệ (%)
A	B	1	2	3	4	5	6
- Dân tộc thiểu số	12						
Chia theo nhóm tuổi							
Dưới 20 tuổi	13						
20-24	14						
25-29	15						
30-34	16						
35-39	17						
40-44	18						
45-49	19						
50-54	20						
55-59	21						
60-64	22						
65 +	23						

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

....., Ngày..... tháng..... năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 005g.N/BCS-XHMT

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 28/3 năm sau

SỐ VỤ, SỐ NGƯỜI PHẠM TỘI

ĐÃ BỊ KẾT ÁN

Năm

Đơn vị gửi báo cáo:

Tòa án nhân dân cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Thống kê

A	Mã số	Số vụ đã xét xử (Vụ)	Số bị cáo đã bị kết án (Người)	
			Tổng số	Trong đó: Nữ
B	1	2	3	
TỔNG SỐ	01			
1. Chia theo nhóm tội				
Các tội xâm phạm an ninh quốc gia	02			
.....	03			
.....				
Các tội phá hoại hòa bình,...				
<i>(Ghi các nhóm tội phạm theo chương của Luật Hình sự)</i>				
2. Chia theo nhóm tuổi bị cáo				
Từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi		x		
Từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi		x		
Từ đủ 18 tuổi đến dưới 30 tuổi		x		
Từ đủ 30 đến dưới 70 tuổi		x		
Từ 70 tuổi trở lên		x		
<i>(Ghi theo nhóm tuổi theo quy định của Luật Hình sự)</i>				
3. Chia theo quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
<i>(Ghi theo Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam)</i>				

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

....., Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHẦN II

GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN CÁCH GHI BIỂU MẪU THU THẬP HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH

B. GIẢI THÍCH, CÁCH GHI BIỂU

BIỂU SỐ 004a.N/BCS-XHMT, BIỂU SỐ 005a.N/BCS-XHMT: TỶ LỆ NỮ ĐẢM NHIỆM CÁC CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO CHÍNH QUYỀN

Biểu số 004a.N/BCS-XHMT, Biểu số 005a.N/BCS-XHMT: Thu thập chỉ tiêu phản ánh vai trò của phụ nữ cũng như sự bình đẳng giới trong việc tham gia lãnh đạo chính quyền từ cấp địa phương đến cấp Trung ương, giúp Nhà nước có căn cứ lập kế hoạch đào tạo, quy hoạch, sử dụng cán bộ nữ nhằm thúc đẩy sự bình đẳng giới.

1. Khái niệm, nội dung, phương pháp tính

a) Tỷ lệ nữ đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chính quyền: là số phần trăm nữ là lãnh đạo chính quyền so với tổng số lãnh đạo chính quyền.

Hệ thống chính quyền của Nhà nước Việt Nam gồm:

(1) Cơ quan quyền lực nhà nước gồm: Quốc hội ở cấp Trung ương và Hội đồng nhân dân các cấp địa phương do nhân dân trực tiếp bầu ra và thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước;

(2) Cơ quan hành chính gồm: Chính phủ ở cấp Trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp địa phương do cơ quan quyền lực tương ứng bầu ra;

(3) Cơ quan xét xử gồm: Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao và Tòa án nhân dân các cấp địa phương;

(4) Cơ quan kiểm sát gồm: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và Viện kiểm sát nhân dân các cấp địa phương.

b) Chức vụ lãnh đạo chính quyền gồm:

(1) Cấp Trung ương, gồm:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Quốc hội; Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng dân tộc; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương;

- Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước;

- Thủ tướng, Phó Thủ tướng Chính phủ;

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Thứ trưởng và tương đương; Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng và tương đương; Cục trưởng, Phó Cục trưởng và tương đương; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương;

- Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Chánh án, Phó Chánh án, Chánh tòa, Phó Chánh tòa Tòa án nhân dân cấp cao; Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng và tương đương; Cục trưởng, Phó Cục trưởng và tương đương; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương;

- Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng và tương đương; Cục trưởng, Phó Cục trưởng và tương đương; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương.

(2) Cấp tỉnh, gồm:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương;

- Chánh án, Phó Chánh án, Chánh tòa, Phó Chánh tòa Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh.

(3) Cấp huyện, gồm:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện;

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân.

- Chánh án, Phó Chánh án, Chánh tòa, Phó Chánh tòa Tòa án nhân dân cấp huyện; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện.

(4) Cấp xã, gồm:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã;

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

c) Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ nữ đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chính quyền (\%)} = \frac{\text{Số nữ đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo chính quyền khóa t}}{\text{Tổng số lãnh đạo chính quyền cùng khóa}} \times 100$$

2. Cách ghi biểu

Cột A: Ghi theo các phân tổ theo trình độ học vấn, theo dân tộc và chia theo nhóm tuổi.

Cột 1: Ghi tổng số lãnh đạo chính quyền ở cấp tỉnh

Cột 2: Ghi tổng số nữ lãnh đạo chính quyền ở cấp tỉnh

Cột 3: Ghi tỷ lệ nữ lãnh đạo chính quyền ở cấp tỉnh

Cột 4: Ghi tổng số lãnh đạo chính quyền ở cấp huyện

Cột 5: Ghi tổng số nữ lãnh đạo chính quyền ở cấp huyện

Cột 6: Ghi tỷ lệ nữ lãnh đạo chính quyền ở cấp huyện

Cột 7: Ghi tổng số lãnh đạo chính quyền ở cấp xã

Cột 8: Ghi tổng số nữ lãnh đạo chính quyền ở cấp xã

Cột 9: Ghi tỷ lệ nữ lãnh đạo chính quyền ở cấp xã

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Phạm vi toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập số liệu một năm của năm báo cáo (số liệu có đến ngày 31/12 hàng năm).

4. Nguồn số liệu

Sở Nội vụ, Tòa án nhân dân tỉnh và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

BIỂU SỐ 005g.N/BCS-XHMT: SỐ VỤ, SỐ NGƯỜI PHẠM TỘI ĐÃ BỊ KẾT ÁN

1. Khái niệm, nội dung, phương pháp tính

Số vụ, số người phạm tội đã bị kết án là số vụ án và số bị cáo mà Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm đã đưa ra xét xử và tuyên là có tội.

2. Cách ghi biểu

Cột A: Chia theo các phân tổ

Chia theo nhóm tội: Nhóm tội được quy định trong Bộ luật Hình sự. Trường hợp một vụ án cấu thành nhiều tội danh thì quy định ghi vào nhóm tội nằm phía trước trong Bộ luật Hình sự.

Chia theo nhóm tuổi bị cáo: Ghi theo các nhóm tuổi đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi; từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi; từ 18 tuổi trở lên; từ đủ 18 đến dưới 30 tuổi; từ đủ 30 đến dưới 70 tuổi; từ trên 70 tuổi trở lên.

Chia theo huyện/thị xã theo danh mục đơn vị hành chính hiện hành. Trường hợp vụ án liên quan đến nhiều huyện/thị xã thì ghi cho huyện/thị xã nơi xét xử vụ án.

Cột B: Ghi mã số của từng dòng phân tổ.

Cột 1: Ghi số vụ án đã kết án trong kỳ.

Cột 2, cột 3: Ghi tổng số bị cáo đã kết án trong kỳ, trong đó số bị cáo là nữ

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Toàn bộ số vụ, số người phạm tội đã được Tòa án xét xử và tuyên án là có tội mà bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật trong kỳ báo cáo trên phạm vi toàn tỉnh, thành phố. Thời kỳ thu thập số liệu: cả năm báo cáo.

4. Nguồn số liệu

Toà án nhân dân cấp tỉnh

Biểu số: 004a.N/BCS-XHMT
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 12 tháng 02 năm báo cáo

**TỶ LỆ NỮ ĐẢM NHIỆM CÁC CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO
CHÍNH QUYỀN**

Có đến ngày 31/12/

Đơn vị gửi:
Tòa án nhân dân cấp tỉnh
Đơn vị nhận:
Cục Thống kê

	Mã số	Cấp tỉnh			Cấp huyện	
		Tổng số (Người)	Trong đó: Nữ (Người)	Tỷ lệ (%)	Tổng số (Người)	Trong đó: Nữ (Người)
A	B	1	2	3	4	5
Toàn tỉnh, TP	01					
Chia theo trình độ học vấn						
- Tiểu học	02					
- Trung học cơ sở	03					
- Trung học phổ thông	04					
- Sơ cấp	05					
- Trung cấp	06					
- Cao đẳng	07					
- Đại học	08					
- Thạc sĩ	09					
- Tiến sĩ	10					
Chia theo dân tộc						
- Kinh	11					

	Mã số	Cấp tỉnh			Cấp huyện	
		Tổng số (Người)	Trong đó: Nữ (Người)	Tỷ lệ (%)	Tổng số (Người)	Trong đó: Nữ (Người)
A	B	1	2	3	4	5
- Dân tộc thiểu số	12					
Chia theo nhóm tuổi						
Dưới 20 tuổi	13					
20-24	14					
25-29	15					
30-34	16					
35-39	17					
40-44	18					
45-49	19					
50-54	20					
55-59	21					
60-64	22					
65 +	23					

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

....., Ngày..... tháng..... năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

GIẢI THÍCH, CÁCH GHI BIỂU

BIỂU SỐ 004a.N/BCS-XHMT: TỶ LỆ NỮ ĐẢM NHIỆM CÁC CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO CHÍNH QUYỀN

Biểu số 004a.N/BCS-XHMT, Biểu số 005a.N/BCS-XHMT: Thu thập chỉ tiêu phản ánh vai trò của phụ nữ cũng như sự bình đẳng giới trong việc tham gia lãnh đạo chính quyền từ cấp địa phương đến cấp Trung ương, giúp Nhà nước có căn cứ lập kế hoạch đào tạo, quy hoạch, sử dụng cán bộ nữ nhằm thúc đẩy sự bình đẳng giới.

1. Khái niệm, nội dung, phương pháp tính

a) Tỷ lệ nữ đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chính quyền: là số phần trăm nữ là lãnh đạo chính quyền so với tổng số lãnh đạo chính quyền.

Hệ thống chính quyền của Nhà nước Việt Nam gồm:

(1) Cơ quan quyền lực nhà nước gồm: Quốc hội ở cấp Trung ương và Hội đồng nhân dân các cấp địa phương do nhân dân trực tiếp bầu ra và thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước;

(2) Cơ quan hành chính gồm: Chính phủ ở cấp Trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp địa phương do cơ quan quyền lực tương ứng bầu ra;

(3) Cơ quan xét xử gồm: Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao và Tòa án nhân dân các cấp địa phương;

(4) Cơ quan kiểm sát gồm: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và Viện kiểm sát nhân dân các cấp địa phương.

b) Chức vụ lãnh đạo chính quyền gồm:

(1) Cấp Trung ương, gồm:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Quốc hội; Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng dân tộc; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương;

- Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước;

- Thủ tướng, Phó Thủ tướng Chính phủ;

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Thứ trưởng và tương đương; Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng và tương đương; Cục trưởng, Phó Cục trưởng và tương đương; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương;

- Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Chánh án, Phó Chánh án, Chánh tòa, Phó Chánh tòa Tòa án nhân dân cấp cao; Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng và tương đương; Cục trưởng, Phó Cục trưởng và tương đương; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương;

- Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng và tương đương; Cục trưởng, Phó Cục trưởng và tương đương; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương.

(2) Cấp tỉnh, gồm:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương;

- Chánh án, Phó Chánh án, Chánh tòa, Phó Chánh tòa Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh.

(3) Cấp huyện, gồm:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện;

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân.

- Chánh án, Phó Chánh án, Chánh tòa, Phó Chánh tòa Tòa án nhân dân cấp huyện; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện.

(4) Cấp xã, gồm:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã;

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

c) Công thức tính:

	Số nữ đảm nhiệm các chức vụ lãnh
Tỷ lệ nữ đảm	đạo chính quyền khoá t

$$\frac{\text{nhiệm chức vụ lãnh đạo chính quyền}}{(\%)} = \frac{\text{Tổng số lãnh đạo chính quyền cùng khóa}}{\text{khóa}} \times 100$$

2. Cách ghi biểu

Cột A: Ghi theo các phân tổ theo trình độ học vấn, theo dân tộc và chia theo nhóm tuổi.

Cột 1: Ghi tổng số lãnh đạo chính quyền ở cấp tỉnh

Cột 2: Ghi tổng số nữ lãnh đạo chính quyền ở cấp tỉnh

Cột 3: Ghi tỷ lệ nữ lãnh đạo chính quyền ở cấp tỉnh

Cột 4: Ghi tổng số lãnh đạo chính quyền ở cấp huyện

Cột 5: Ghi tổng số nữ lãnh đạo chính quyền ở cấp huyện

Cột 6: Ghi tỷ lệ nữ lãnh đạo chính quyền ở cấp huyện

Cột 7: Ghi tổng số lãnh đạo chính quyền ở cấp xã

Cột 8: Ghi tổng số nữ lãnh đạo chính quyền ở cấp xã

Cột 9: Ghi tỷ lệ nữ lãnh đạo chính quyền ở cấp xã

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Phạm vi toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập số liệu một năm của năm báo cáo (số liệu có đến ngày 31/12 hàng năm).

4. Nguồn số liệu

Sở Nội vụ, Tòa án nhân dân tỉnh và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

Biểu số: 005g.N/BCS-XHMT

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 28/3 năm sau

SỐ VỤ, SỐ NGƯỜI PHẠM TỘI

ĐÃ BỊ KẾT ÁN

Năm

Đơn vị gửi báo cáo:

Tòa án nhân dân cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Thống kê

A	Mã số	Số vụ đã xét xử (Vụ)	Số bị cáo đã bị kết án (Người)	
			Tổng số	Trong đó: Nữ
B	1	2	3	
TỔNG SỐ	01			
1. Chia theo nhóm tội				
Các tội xâm phạm an ninh quốc gia	02			
.....	03			
.....				
Các tội phá hoại hòa bình,...				
(Ghi các nhóm tội phạm theo chương của Luật Hình sự)				
2. Chia theo nhóm tuổi bị cáo				
Từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi		x		
Từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi		x		
Từ đủ 18 tuổi đến dưới 30 tuổi		x		
Từ đủ 30 đến dưới 70 tuổi		x		
Từ 70 tuổi trở lên		x		
(Ghi theo nhóm tuổi theo quy định của Luật Hình sự)				
3. Chia theo quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
(Ghi theo Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam)				

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

....., Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

GIẢI THÍCH, CÁCH GHI BIỂU

BIỂU SỐ 005g.N/BCS-XHMT: SỐ VỤ, SỐ NGƯỜI PHẠM TỘI ĐÃ BỊ KẾT ÁN

1. Khái niệm, nội dung, phương pháp tính

Số vụ, số người phạm tội đã bị kết án là số vụ án và số bị cáo mà Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm đã đưa ra xét xử và tuyên là có tội.

2. Cách ghi biểu

Cột A: Chia theo các phân tổ

Chia theo nhóm tội: Nhóm tội được quy định trong Bộ luật Hình sự. Trường hợp một vụ án cấu thành nhiều tội danh thì quy định ghi vào nhóm tội nằm phía trước trong Bộ luật Hình sự.

Chia theo nhóm tuổi bị cáo: Ghi theo các nhóm tuổi đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi; từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi; từ 18 tuổi trở lên; từ đủ 18 đến dưới 30 tuổi; từ đủ 30 đến dưới 70 tuổi; từ trên 70 tuổi trở lên.

Chia theo huyện/thị xã theo danh mục đơn vị hành chính hiện hành. Trường hợp vụ án liên quan đến nhiều huyện/thị xã thì ghi cho huyện/thị xã nơi xét xử vụ án.

Cột B: Ghi mã số của từng dòng phân tổ.

Cột 1: Ghi số vụ án đã kết án trong kỳ.

Cột 2, cột 3: Ghi tổng số bị cáo đã kết án trong kỳ, trong đó số bị cáo là nữ

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Toàn bộ số vụ, số người phạm tội đã được Tòa án xét xử và tuyên án là có tội mà bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật trong kỳ báo cáo trên phạm vi toàn tỉnh, thành phố. Thời kỳ thu thập số liệu: cả năm báo cáo.

4. Nguồn số liệu

Toà án nhân dân cấp tỉnh